

**PHỤ LỤC 04. BẢNG TỔNG HỢP VỊ TRÍ, DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở
TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2020 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /03/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

Đã phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch	
STT	Khu vực/dự án	Số lượng dự án	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Khu vực/dự án	Số lượng dự án	Diện tích sử dụng đất (ha)	Số lượng dự án	Diện tích sử dụng đất (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7) - (3)	(10) = (8) - (4)
	Toàn tỉnh	752	9.318,78		Toàn tỉnh	756,00	9.728,79	4	410,01
I	Các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị, khu dân cư	573	8.249,45	I	Các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị, khu dân cư	575	8.679,17	2	429,72
1	Thành phố Quy Nhơn	87	1.878,32	1	Thành phố Quy Nhơn	91	1.957,88	4	79,56
2	Thị xã An Nhơn	56	798,92	2	Thị xã An Nhơn	55	788,56	-1	-10,36
3	Thị xã Hoài Nhơn	79	899,76	3	Thị xã Hoài Nhơn	86	969,40	7	69,64
4	Huyện Tây Sơn	31	524,24	4	Huyện Tây Sơn	25	396,71	-6	-127,53
5	Huyện Phù Mỹ	100	1.728,21	5	Huyện Phù Mỹ	102	1.814,86	2	86,65
6	Huyện Phù Cát	129	1.469,37	6	Huyện Phù Cát	136	1.601,02	7	131,65
7	Huyện Tuy Phước	33	722,96	7	Huyện Tuy Phước	35	950,96	2	228,00
8	Huyện Hoài Ân	22	59,38	8	Huyện Hoài Ân	22	59,38	0	0,00
9	Huyện An Lão	9	43,52	9	Huyện An Lão	9	43,52	0	0,00
10	Huyện Vĩnh Thạnh	21	52,36	10	Huyện Vĩnh Thạnh	8	24,43	-13	-27,93
11	Huyện Vân Canh	6	72,40	11	Huyện Vân Canh	6	72,44	0	0,04
II	Các dự án nhà ở xã hội	33	123,66	II	Các dự án nhà ở xã hội	33	92,82	0	-30,84
1	Thành phố Quy Nhơn	24	60,33	1	Thành phố Quy Nhơn	24	59,25	0	-1,08
2	Thị xã Hoài Nhơn	3	11,78	2	Thị xã Hoài Nhơn	3	12,02	0	0,24
3	Huyện Tây Sơn	2	9,50	3	Huyện Tây Sơn	2	9,50	0	0,00
4	Thị xã An Nhơn	2	4,05	4	Thị xã An Nhơn	2	4,05	0	0,00
5	Huyện Vân Canh	1	35,00	5	Huyện Vân Canh	1	5,00	0	-30,00
6	Huyện Tuy Phước	1	3,00	6	Huyện Tuy Phước	1	3,00	0	0,00
III	Các dự án nhà ở tái định cư	146	945,67	III	Các dự án nhà ở tái định cư	148	956,81	2	11,14
1	Thành phố Quy Nhơn	12	76,74	1	Thành phố Quy Nhơn	12	76,74	0	0,00
2	Huyện Hoài Ân	22	30,85	2	Huyện Hoài Ân	21	30,85	-1	0,00
3	Huyện Vĩnh Thạnh	2	11,04	3	Huyện Vĩnh Thạnh	2	11,04	0	0,00
4	Huyện Vân Canh	6	395,09	4	Huyện Vân Canh	6	395,09	0	0,00

5	Huyện An Lão	2	6,00	5	Huyện An Lão	2	6,00	0	0,00
6	Huyện Tuy Phước	13	28,62	6	Huyện Tuy Phước	11	28,62	-2	0,00
7	Huyện Tây Sơn	10	26,15	7	Huyện Tây Sơn	6	17,65	-4	-8,50
8	Thị xã Hoài Nhơn	37	115,12	8	Thị xã Hoài Nhơn	37	115,12	0	0,00
9	Huyện Phù Cát	12	130,51	9	Huyện Phù Cát	12	130,51	0	0,00
10	Huyện Phù Mỹ	9	79,38	10	Huyện Phù Mỹ	11	87,38	2	8,00
11	Thị xã An Nhơn	21	46,17	11	Thị xã An Nhơn	28	57,81	7	11,64